

Bản tin chứng khoán

Trong số này

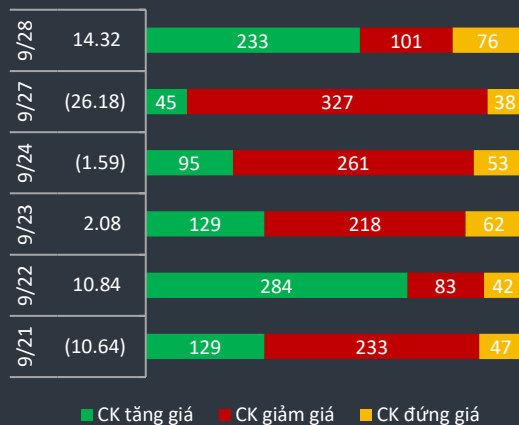
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HPG		95.42
VNM		87.55
HCM		54.80
KBC		54.23
VHC		36.39
STB		31.43
VPB	(10.65)	
E1VFN30	(11.55)	
GVR	(34.06)	
PLX	(34.07)	
VIC	(35.93)	
KDH	(50.24)	
HDB	(59.23)	
GAS22		

Thị trường mở đầu phiên hôm nay đã hồi phục khá nhiều so với ngày hôm qua nhờ dòng tiền tham gia đỡ mạnh nhóm blue chip. Phiên sáng chỉ số Vnindex còn giằng co giảm trong biên độ -5 điểm nhưng đã chuyển xanh ngay trước khi bước vào phiên chiều và sau giờ nghỉ trưa đã bùng nổ tăng hơn 14 điểm. Nhóm cổ phiếu VN30 cuối ngày chỉ còn 4 mã đỏ nhẹ trong đó hầu hết là ngân hàng như CTG, HDB, VPB. Hầu hết các nhóm ngành trừ một số ngành đi ngang hoặc giảm nhẹ như ngân hàng, phân bón, y tế, phân bón.

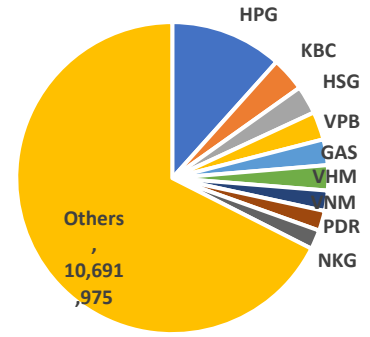
Hai nhóm ngành dẫn đầu hôm nay là dầu khí và bảo hiểm. Nhóm cổ phiếu dầu khí đã sớm tăng ngay từ đầu phiên mở cửa nhờ lực cầu mạnh sau khi thông tin giá dầu thế giới liên tục tăng những ngày qua. PVG, PVS, PVD, PGD, PGC, GAS là những mã tăng tốt nhất trong ngày đều từ 5% - 10%. Ở thị trường dầu mỏ, tâm lý thị trường vẫn mạnh với nguồn cung thắt chặt hơn trong khi nhu cầu phục hồi ở nhiều nơi trên thế giới. Các nhà xuất khẩu dầu mỏ hàng đầu của châu Phi là Nigeria và Angola sẽ phải rất khó khăn nhằm tăng sản lượng lên mức hạn ngạch của OPEC cho đến ít nhất là năm tới, vì tình trạng thiếu đầu tư và các vấn đề bảo trì dai dẳng tiếp tục gây cản trở sản lượng. Các nhà phân tích cho rằng giá khí tự nhiên hóa lỏng giao ngay (LNG) và than đá tăng cũng có thể thúc đẩy giá dầu tăng thêm. Riêng Goldman Sachs đã tăng 10 USD dự báo cuối năm đối với dầu thô Brent lên 90 USD/thùng. Trung Quốc đang trong tình trạng khủng hoảng năng lượng do thiếu hụt nguồn cung cấp than, các tiêu chuẩn khí thải khắt khe hơn và nhu cầu mạnh mẽ từ các nhà sản xuất và ngành công nghiệp đã đẩy giá than lên mức cao kỷ lục.

Nhóm cổ phiếu bảo hiểm cũng có cú bức phá ấn tượng sau vài phiên đi ngang như BVH, MIG, BMI, PVI đều có mức đảo chiều thành công trên 3%. Nhóm chứng khoán cũng là một trong những nhóm ngành tăng mạnh trong ngày ở hàng loạt cổ phiếu CTS, HCM, VIC, SHS, VND, MBS

Riêng nhóm ngân hàng phân hóa mạnh với hai nửa xanh đỏ trong đó Nhóm tăng điểm tốt nhất nằm ở top ngân hàng lớn như BID, TPB, VCB, OCB, TCB với mức tăng quanh 1% - 2%.

Vnindex 1,339.31

▲ +14.32 (+1.08%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
GAS	95.1	5,100	5.67
REE	64.5	2,500	4.03
BVH	58.7	2,200	3.89
HPG	52.6	1,800	3.54
PNJ	93.0	2,000	2.20
PLX	51.1	1,000	2.00
BID	40.1	700	1.78
TPB	40.7	700	1.75
POW	11.8	200	1.73
SSI	40.6	600	1.50
PDR	81.3	1,000	1.25
VCB	99.2	1,200	1.22
FPT	93.0	900	0.98
VRE	28.5	250	0.88
MSN	136.0	1,000	0.74
TCB	49.8	300	0.61
VNM	89.3	500	0.56
GVR	35.8	200	0.56
MWG	126.7	700	0.56
VIC	86.5	400	0.46
VHM	78.5	300	0.38
ACB	31.6	100	0.32
NVL	102.6	200	0.20
STB	26.6	50	0.19
MBB	28.0	-	-
VIB	36.5	-	-
VJC	129.0	-	-
CTG	31.0	(50)	(0.16)
HDB	25.5	(50)	(0.20)
VPB	66.8	(200)	(0.30)
SAB	157.1	(1,900)	(1.19)
DHG	98.8	(1,200)	(1.20)
BCM	44.2	(800)	(1.78)
HVN	25.0	(550)	(2.15)

Thị trường đã có phiên đảo chiều thành công và lấy lại một phần đã mất ở phiên đầu tuần. Đà bức phá hôm nay thiếu sự tham gia của nhóm ngân hàng và Vingroup, nếu không chỉ số index sẽ còn có thể đi xa hơn mức 14 điểm. Dù giao dịch hưng phấn nhưng thanh khoản trong ngày chỉ đạt trên 18 ngàn tỷ một chút – điều này cũng một phần do thiếu sự giao dịch từ cổ phiếu ngân hàng vốn chiếm đến 30% giao dịch thị trường. Thị trường sẽ còn rung lắc trong vài phiên tới tuy nhiên mức độ co giạt sẽ ít hơn và thị trường kỳ vọng tạo một vùng bệ đỡ hỗ trợ quanh 1300 – 1320. Nhà đầu tư tiếp tục chiến lược mua tích lũy ở các nhịp điều chỉnh và tăng cường bán ra, cơ cấu danh mục khi thị trường tăng mạnh. Danh mục đầu tư hôm nay bổ sung cổ phiếu LCG với vùng mua quanh 18 và mục tiêu đầu tiên từ 22-24 từ 1 – 3 tháng.

Thếp: HPG, HSG, NKG

Phân đạm: DCM, DPM

Bán lẻ: DGW, FRT, MWG

Ngân hàng: OCB, TPB, VPB, MBB

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, DPR, BVH, ABI, LCG

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
LCG	18.2	(2.9)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	1.1%
DPR	68.7	1.9	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	2.5%
IDC	50.8	4.5	45	65	Mua vào quanh 50-52	9/21/2021	1.6%
REE	64.5	(2.3)	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	26.5%
GVR	35.8	(1.6)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	21.8%
HCM	53.8	1.7	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 52-53	7/12/2021	19.6%
VCI	60.5	(5.0)	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 62	7/12/2021	23.5%
SSI	40.6	(3.6)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	23.0%
MBB	28.0	-	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-3.4%
OCB	23.9	(1.8)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	3.9%
HPG	52.6	3.5	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	16.9%
STB	26.6	(0.9)	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-5.0%
KBC	44.2	3.9	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	13.3%
DGW	116.0	(1.0)	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	132.0%
MWG	126.7	2.3	130	190	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 120	2/3/2021	49.1%

VCS - Công ty cổ phần VICOSTONE

Price: 123,800

Báo cáo sớm kết quả kinh doanh 9 tháng



Giá mục tiêu	150,000 (+22%)
Lợi nhuận 2021F	1800 tỷ
EPS forecast	11,250
PE forecast	11.7
Ngưỡng hỗ trợ	110,000
Ngưỡng kháng cự	150,000



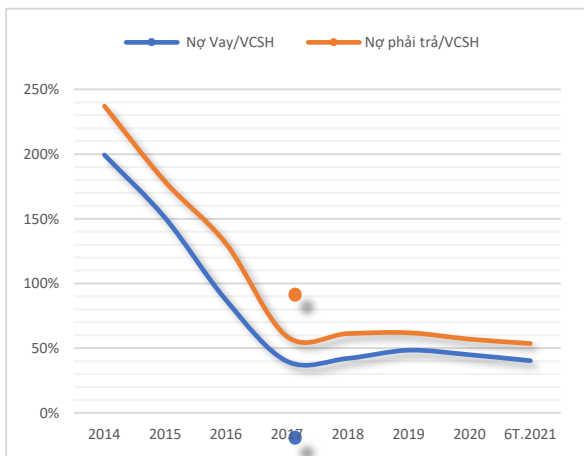
Lợi nhuận quý III của Vicostone tăng 22% so cùng kỳ

Công ty Cổ phần Vicostone (Mã: VCS) công bố báo cáo kết quả kinh doanh ước tính quý III/2021 với doanh thu thuần đạt 1.858,6 tỷ đồng, tăng gần 23,5%. Lợi nhuận trước thuế ước 574,6 tỷ đồng, tăng 22% lên so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế 9 tháng đầu năm Vicostone ước đạt hơn **5.200** tỷ đồng doanh thu thuần và gần **1.540** tỷ đồng lãi trước thuế. So với kế hoạch được đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua, doanh nghiệp ước thực hiện khoảng 76,5% chỉ tiêu doanh thu và 80% mục tiêu lợi nhuận.

Liền sóng COVID-19 vừa qua đã tác động rất tiêu cực đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, và trực tiếp đến Vicostone. Công ty đã tự chủ nguồn nguyên vật liệu chính như cristobalite, quartz và resin trong sản xuất đá thạch anh nhân tạo, Vicostone đã phần nào giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào việc nhập khẩu nguyên liệu, rủi ro về biến động tỷ giá, tối ưu về giá thành... từ đó gia tăng lợi thế cạnh tranh.

Năm 2021, công ty đặt kế hoạch doanh thu 6.797 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 1.919 tỷ đồng. Giá VCS chốt phiên 28/9 ở mức 123.800 đồng/cp, tăng 50% so với đầu năm.



VCS	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	6T.2021
Doanh thu	2,064	2,616	3,211	4,353	4,522	5,563	5,660	3,344
Lợi nhuận	212	405	676	1,122	1,124	1,410	1,428	819
Lợi Nhuận Gộp	709	759	991	1,267	1,496	1,912	1,964	1,128
Chi phí lãi vay	(89)	(81)	(50)	(41)	(32)	(60)	(77)	(29)
KLCP DLH (triệu CP)	53	53	60	80	160	160	160	160
VCSH	786	999	1,447	2,396	2,731	3,449	3,858	4,241
Tổng Tài Sản	2,648	2,781	3,338	3,810	4,404	5,584	6,055	6,515
Vay Ngắn Hạn	1,213	1,179	1,083	955	1,151	1,418	1,533	1,537
Vay Dài Hạn	353	324	176	-	-	253	199	173
Tổng Nợ vay	1,566	1,503	1,259	955	1,151	1,670	1,733	1,710
Book Value	14,822	18,842	24,119	29,949	17,066	21,554	24,111	26,509
EPS	4,001	7,635	11,266	14,022	7,022	8,813	8,928	10,542
Nợ Vay/VCSH	199.3%	150.5%	87.0%	39.9%	42.1%	48.4%	44.9%	40.3%
LN ròng biên	10.3%	15.5%	21.0%	25.8%	24.8%	25.3%	25.2%	24.5%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TDG	6.89
BMC	6.90
BMI	6.91
SJF	6.93
TLH	6.94
CNG	6.95
PGD	6.96
PVD	6.97
BIC	6.99

Top tăng giá HNX

TC6	9.93
PV2	10.00
PVG	10.00
PMB	10.00
API	10.00
GMX	10.00

HSG - Tập đoàn Hoa Sen - Thông báo doanh thu tháng 8 ước đạt 4.701 tỷ đồng, tăng 66%; lợi nhuận sau thuế 320 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ năm trước.

VCS - CTCP Vicostone - Ước tính quý III, tổng tổng doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1.858,6 tỷ đồng và 574,6 tỷ đồng, tương ứng ước tăng 23,47% và 22,4% so với cùng kỳ năm 2020. Đây cũng là quý có lợi nhuận trước thuế cao nhất của doanh nghiệp kinh doanh đá thạch anh này.

NT2 - CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021, Công ty ghi nhận doanh thu bán điện đạt 4.150 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế ước đạt 294 tỷ đồng, lần lượt bằng 54% và 60,35% so với kế hoạch năm. Được biết, trong năm 2021, NT2 đạt kế hoạch tổng doanh thu là 7.713,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 462,2 tỷ đồng.

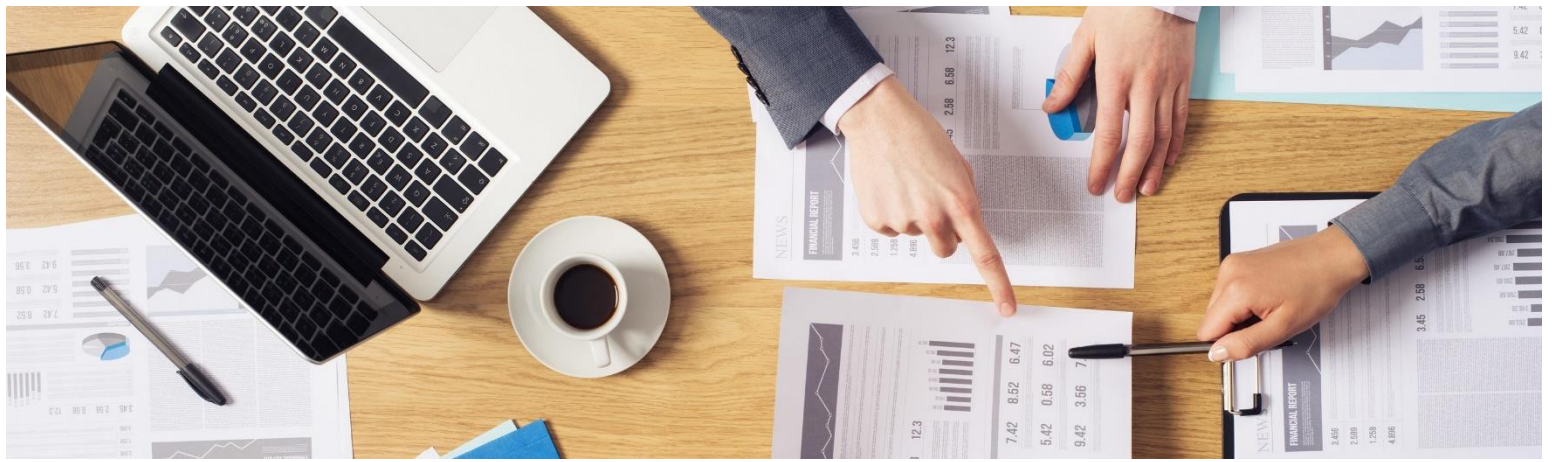
AAS - Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest - Đã thông qua kế hoạch kinh doanh mới của năm 2021 với lợi nhuận trước thuế 200 tỷ đồng, tăng mạnh so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm là hơn 4 tỷ đồng.

Trong tháng 9, AAS ước tính đạt khoảng 80 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, nâng tổng lợi nhuận trước quý 3 ước đạt 170 tỷ đồng. Như vậy lũy kế 3 quý đầu năm, AAS ước đạt 180 tỷ đồng lợi nhuận, hoàn thành 90% kế hoạch lợi nhuận mới đã trình Đại hội vừa thông qua.

PSL - CTCP Chăn nuôi Phú Sơn - Ước kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý III với tổng doanh thu 26,8 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế chỉ vốn vụn 889 triệu đồng. Công ty cho biết hoạt động chăn nuôi heo trong quý III gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch Covid-19, việc vận chuyển tiêu thụ gặp khó khăn, giá cả tiêu thụ heo thịt, heo giống giảm mạnh, chi phí đầu vào (thức ăn chăn nuôi) tăng cao. Cùng với đó, là một số chi phí phát sinh thêm đề phòng dịch Covid-19.

LAI - Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO - LAI công ty con của IDCO đã thông qua việc bán lô đất thương mại dịch vụ tại dự án khu dân cư trung tâm mở rộng phường 6 với diện tích là 14.560 m2, giá bán tối thiểu là 258 tỷ đồng và ủy quyền cho Giám đốc thực hiện các thủ tục liên quan.

TTE - CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh – Đã thông qua phương án phát hành 2.500 trái phiếu riêng lẻ năm 2021, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 250 tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất cố định 11%/năm. Thời gian thực hiện trong tháng 9/2021.

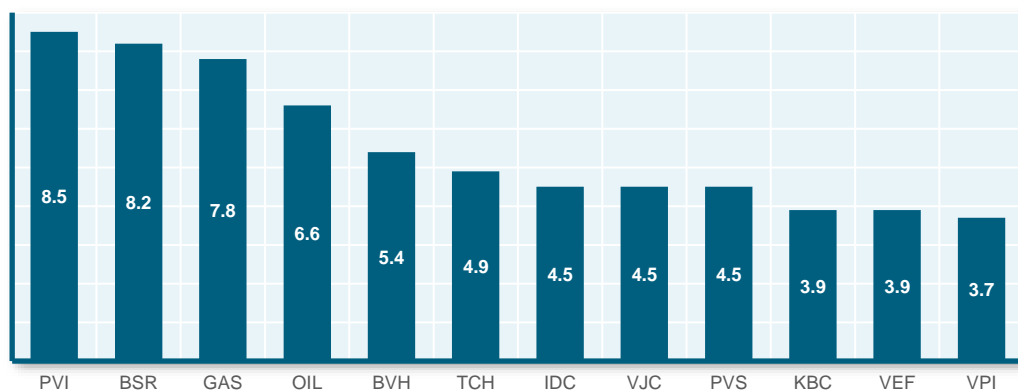


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
BID	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	48,524
	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	
MBB	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ năm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	66.8	6,959,900	13.2	2.7	-	160,800	164,979	19.01	5,056	24,447
VIB	HOSE	36.5	994,900	6.5	2.7	700	-	56,690	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	99.2	484,500	17.9	3.5	288,300	29,500	367,921	23.57	5,532	28,293
VBB	HNX	17.2	41,276	20.7	1.5	-	-	8,216	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.4	323,849	14.5	1.3	-	-	7,742	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	40.7	5,440,500	8.9	2.2	-	-	47,687	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.8	5,568,700	10.8	2.1	-	-	174,844	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.6	9,950,300	13.8	1.6	1,739,300	552,800	50,052	15.79	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.9	2,044,000	20.8	2.9	-	-	48,128	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.4	13,641,929	12.1	1.9	67,700	-	50,835	3.97	2,183	14,014
SGB	HNX	17.6	187,300	-	1.5	1,000	-	5,421	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	23.2	116,287	31.4	1.7	-	-	6,960	15.00	739	13,529
OCB	HNX	23.9	1,686,700	6.3	1.3	71,100	15,000	32,740	21.97	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.3	351,310	138.0	2.6	12,200	-	11,513	8.52	205	10,726
NAB	HOSE	20.4	141,510	6.1	1.2	2,000	-	9,312	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	29.7	3,816,100	9.0	1.7	-	-	34,839	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.0	7,390,700	7.2	1.4	492,900	452,700	105,793	24.00	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.1	3,875,200	8.5	1.5	351,200	41,700	26,599	3.62	2,591	14,466
KLB	HOSE	22.8	905,242	11.2	1.6	-	-	7,294	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.5	3,032,800	6.6	1.5	92,500	2,427,900	50,702	18.43	3,854	17,399
EIB	HOSE	23.9	180,800	27.3	1.7	5,700	11,800	29,322	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	31.0	6,725,900	7.1	1.2	176,700	233,700	148,738	24.64	4,394	25,028
BVB	HOSE	20.8	2,736,030	18.0	1.6	19,000	1,900	7,635	0.08	1,157	12,737
BID	HOSE	40.1	2,187,700	16.0	1.9	860,400	401,000	161,283	16.65	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.5	43,700	23.7	1.8	1,000	-	15,941	-	950	12,242
ACB	HOSE	31.6	2,517,400	6.8	2.1	-	-	85,382	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.3	1,585,885	7.6	1.3	-	-	12,169	30.00	2,801	16,671
			82,930,418	18.08	1.86	4,181,700	4,328,800	1,728,736		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sân CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	40,600	13,428,225	35,452,197	2,647.4	15.3	2.29	17,724
VCI	UPCOM	60,500	5,629,537	20,146,500	3,445.7	17.6	2.04	29,655
HCM	HNX	53,800	5,862,182	16,411,251	3,099.8	17.4	3.45	15,612
VND	UPCOM	51,500	9,402,021	22,094,984	6,320.1	8.1	2.46	20,939
SHS	UPCOM	37,000	6,476,146	7,668,923	5,431.3	6.8	2.06	17,951
MBS	UPCOM	32,900	3,197,424	8,804,071	1,470.3	22.4	2.50	13,147
FTS	HOSE	55,000	869,918	8,115,925	3,583.0	15.4	3.10	17,751
VIX	HNX	18,000	4,253,400	2,298,942	5,549.5	3.2	1.11	16,190
AGR	HOSE	16,500	3,284,157	3,474,239	1,000.6	16.5	1.69	9,775
BSI	UPCOM	26,900	1,413,816	3,270,252	2,231.6	12.1	2.12	12,711
ORS	HNX	26,300	1,875,981	5,260,000	1,944.6	13.5	2.49	10,574
VDS	HOSE	31,700	1,176,736	3,331,818	3,856.6	8.2	2.46	12,884
CTS	HOSE	27,600	1,735,786	2,936,629	2,676.3	10.3	1.99	13,885
TVS	HOSE	34,100	141,052	3,344,908	5,036.9	6.8	2.30	14,852
BVS	UPCOM	32,900	893,172	2,375,385	3,242.7	10.1	1.22	26,909
EVS	HOSE	31,000	360,134	1,953,012	3,859.6	8.0	2.19	14,167
SBS	HOSE	14,800	3,988,789	1,874,568	79.4	186.4	9.01	1,643
PHS	HOSE	18,000	1,745	2,519,991	979.4	18.4	1.59	11,291
TVB	HOSE	21,000	1,357,164	2,241,025	2,793.8	7.5	1.80	11,645
ART	HNX	10,000	4,551,056	969,225	31.6	316.3	0.87	11,459
TCI	UPCOM	19,100	499,148	945,450	2,671.6	7.1	1.56	12,235
IVS	UPCOM	11,600	156,215	804,460	411.7	28.2	1.18	9,862
BMS	UPCOM	21,100	414,728	1,202,700	4,097.6	5.1	1.63	12,977
APS	HOSE	20,100	2,593,096	783,900	2,387.2	8.4	1.81	11,126
PSI	UPCOM	12,900	488,868	771,953	300.3	43.0	1.23	10,519



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DNA	UPCoM	8/10/2021	11/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	SGN	HOSE	8/10/2021	11/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GKM	HNX	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	MSB	HOSE	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	TV4	HNX	6/10/2021	7/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	BPC	HNX	5/10/2021	6/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	TKA	UPCoM	5/10/2021	6/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SC5	HOSE	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	HD8	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	SZE	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SNZ	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SVT	HOSE	1/10/2021	4/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VLW	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DND	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CLL	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	DNT	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	THW	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 590 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	POW	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	4/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HLD	HNX	30/09/2021	1/10/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PVO	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	ABS	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CNG	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	NT2	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	28/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	FOX	UPCoM	29/09/2021	30/09/2021	21/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HBC	HOSE	29/09/2021	30/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	DBC	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	23/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	GLW	UPCoM	28/09/2021	29/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931